TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 147/2026/DS-ST
Ngày 15 - 7 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhớ

Ông Lê Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyễn Viết Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Đức Lam Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2026/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1075/2026/QĐXXST-DS ngày 04/6/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 1105/2026/QĐST-DS ngày 26/6/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1974, địa chỉ: G L, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1977, địa chỉ: K C, phường T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:**

Bà và bà Nguyễn Thị Phương H quen nhau ngoài xã hội. Bà có cho bà Nguyễn Thị Phương H vay số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), gồm:

+ 20 triệu đồng theo Giấy mượn tiền ngày 08/8/2024. Bà H có đưa bà giữ lấy lòng tin 01 bộ hồ sơ nhà chung cư H, quận L Phòng 602 tầng 6 đứng tên bà Nguyễn Thị Phương H tại Bản cam kết về việc giao nhận nhà chung cư H 2 ngày 22/01/2013 và 01 sổ hộ khẩu (đều là bản phô tô). Giấy mượn tiền này do người làm chứng là bà Huỳnh Thị P viết giúp, còn bà Nguyễn Thị Phương H ký, ghi họ tên. Bà P cũng ký làm chứng. Cùng ngày 08/8/2024 bà chuyển khoản từ tài khoản của bà tại Ngân hàng

K sang Ngân hàng Q cho bà H. Tuy nhiên, bà không nhớ số tiền chuyển khoản nên đã lên Ngân hàng sao kê tài khoản thì số tiền chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị Phương H là 21.100.000đ, gồm 2 lần chuyển khoản 3.100.000đ và 18.000.000đ.

Giấy mượn tiền ngày 08/8/2024 hẹn 10 ngày hợp đồng thuê chung cư trên rồi lấy tiền luôn. Và quy định lãi suất miệng là 37%/năm, 3%/tháng. Nhưng tới ngày đó, bà, bà H và bà P lên chung cư nhưng phòng trống không thì 3 người quay về, 1 tuần sau bà H cho thuê lấy tiền, không trả tiền nợ cho bà và đến nay cũng không trả tiền lãi của 21.100.000đ. Tuy nhiên, theo Giấy mượn tiền ngày 08/8/2024 ghi mượn của bà số tiền 20 triệu đồng nên bà chỉ yêu cầu bà H trả số tiền này.

Do bà H không có khả năng trả nợ nên bà nói sang năm 2025 đăng ký giúp chơi biêu, ngày 100.000đ/2 chân, bát 36.000.000đ/2 chân. Tiền áp cái vào biêu 3 triệu đồng bà cũng đóng giùm, bà đóng thêm 10 ngày, mỗi ngày 100.000đ là 1 triệu đồng. Tổng 4 triệu đồng. Bà H ở xa chỉ có chuyển khoản, đóng biêu, 3 - 5 ngày bà H chuyển khoản cho bà 100.000đ hoặc 200.000đ. Tổng cộng bà H đóng được bằng chuyển khoản 8.610.000đ. Trong thời gian bà H đóng bưu không được đoàng hoàng, chủ bưu không cho hốt và cắt bưu, không cho chơi nữa. Bà cho bà H mượn tiền mục đích để nộp tiền học cho con.

+ Còn tiền góp: Bà đưa tiền mặt cho bà H, bà đưa 3 lần, 2 lần chưa trả, 1 lần đã trả, tổng cộng là 8 triệu đồng. Đó là tiền mượn đi buôn bán cá và có ghi:

. «Tý góp ngày 12/7 - 2 triệu đồng» (12/7 là ngày âm lịch năm 2024). Lý do bà gạch do cuối dòng, bà có gạch bằng bút đỏ để đè lên để cho khác dòng. Bà H chưa góp được đồng nào.

. «Tý góp ngày 1/8 âm lịch - 3 triệu đồng» (1/8 là ngày âm lịch năm 2024). Lý do bà gạch do cuối dòng, bà có gạch bằng bút đỏ để đè lên để cho khác dòng. Bà H đã góp xong.

. «Tý góp ngày 30/8 3 triệu đồng có ngày 31 dương» (30/8 là ngày dương lịch năm 2024)

T là tên ở nhà của bà Nguyễn Thị Phương H. Nói miệng là ngày góp 100.000đ nhưng bà H không góp. Nên vẫn nợ bà 5 triệu đồng (đã nộp Giấy mọi người góp tiền cho bà, trong đó có bà T). Như vậy, tiền góp trên, bà H còn nợ bà 5 triệu đồng.

Vì vậy, bà H còn nợ bà nợ gốc tổng cộng: 25.000.000đ và nợ lãi từ ngày 08/8/2024 đến 25/12/2025: 12.000.000đ.

Đối với số tiền bà H đóng được chuyển khoản cho bà 8.610.000đ nêu trên được trừ hết vào trả tiền lãi đã mượn bà. Ngoài ra, bà H không chuyển khoản, trả tiền mặt thêm cho bà được đồng nào.

Bà không đồng ý với trình bày ngày 25/3/2026, 26/5/2026 của bà H do không đúng sự thật. Bà chưa bao giờ cho bà H chơi số đề. Bà H nói gì phải có chứng cứ. Bà không đồng ý và bà H còn nợ bà 5 triệu đồng và trả mỗi tháng 1 triệu đồng.

Tại phiên toà, bà chỉ yêu cầu bà H trả số tiền nợ gốc 13.000.000đ và bà rút yêu cầu khởi kiện số tiền lãi 12.000.000đ.

**** Tại bản tự khai ngày 26/5/2026, quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị Phương H trình bày:***

Bà có quen bà Nguyễn Thị A qua một người bạn giới thiệu cho vay tiền nóng. Vì không có vốn mua bán cá, bà có mượn của bà A số tiền, đầu tiên là 10 triệu đồng vào năm 2024. Biết bà A bán số đề, bà ham vui nên mua và nợ lại thêm 5 triệu đồng; sau đó bà A có cho bà mượn thêm 5 triệu tiền mặt vào năm 2024. Tổng cộng, nợ bà A 20 triệu đồng, bà A bảo bà ghi giấy nợ với nội dung vay cho con đi học để khỏi phạm pháp, lúc đó cần tiền nên bà viết theo ý của bà A do bà P viết hộ Giấy mượn tiền ngày 08/8/2024. Tiền lãi không ghi vào giấy nợ, nhưng trả một tháng tiền 80, mỗi tháng bà trả 2 triệu, bà trả đến hết năm 2024. Tiền lãi đưa tiền mặt, không ghi chép, ký nhận; sau khi trả tiền lời không nổi nữa thì chuyển qua tiền biêu chuyển khoản mỗi ngày 100.000đ. Bà chuyển trả được 14.300.000đồng.

Vào đầu 2025, bà A có rủ bà chơi biêu, 1 phần 1.500.000đ, 2 phần 3.000.000đ. Bà A bảo bà hốt đầu để trả vào nợ 20 triệu đồng và bà phải đóng cho bà A 1 ngày 100.000đ, bắt đầu từ ngày 10.01 và đóng đến giữa tháng 8 âm lịch năm 2025. Sau đó bà không có khả năng đóng nữa và qua nhà xin khất nợ nhưng bà A không chấp nhận. Sau 1 tuần bà A có qua nhà má bà tại K C, phường T gây rối, đòi nợ, lúc đó bà không có ở nhà mà má bà bị bệnh tim và bà A nói lớn tiếng nên phải nhập viện. Bà không nhớ đã trả bà A bao nhiêu tiền nhưng trả rất nhiều lần bằng chuyển khoản và trả tiền mặt. Tuy nhiên, chuyển khoản được bao nhiêu bà cũng không biết vì bà nhờ người khác chuyển khoản, bà A đưa ra số tiền bà chuyển khoản 8.610.000đ bà cũng chấp nhận, bà đề nghị trừ số tiền đã trả này vào tiền bà nợ bà A. Đồng thời, bà trả tiền mặt cho bà A thì bà không cho bà A ký nhận nên không có chứng cứ gì. Vì vậy, bà chỉ còn nợ bà A 5 triệu đồng.

Đối với tiền góp: T là tên ở nhà của bà. Đối với 3 lần tiền góp bà A yêu cầu bà trả nêu trên là bà không góp cho bà A.

Bà chỉ nợ bà A số tiền 20 triệu đồng theo Giấy mượn tiền ngày 08/8/2024 nêu trên. Hiện nay, bà không có nghề nghiệp, nhà cửa, làm thuê nuôi sống qua ngày và bà trả số tiền còn nợ bà A mỗi tháng 500.000đ - 1 triệu cho đến khi hết nợ 5 triệu nêu trên. Yêu cầu Tòa án giải quyết đúng pháp luật.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng:**

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Phương H có nghĩa vụ trả một lần cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị A số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A về số tiền yêu cầu bà Nguyễn Thị Phương H trả nợ lãi từ ngày 08/8/2024 đến 25/12/2025: 12.000.000đ.

Và tuyên án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị A đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Phương H đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự; bà H có địa chỉ tại K C, phường T, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà Nguyễn Thị A có cho bà Nguyễn Thị Phương H vay số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), gồm:

+ Theo Giấy mượn tiền ngày 08/8/2024 số tiền mượn 20 triệu đồng, có thế chấp 1 bộ hồ sơ nhà chung cư H, quận L tầng 6 P 602 đứng tên Nguyễn Thị Phương H.

+ Và tiền góp: bà A đưa tiền mặt cho bà H 3 lần số tiền 8 triệu đồng, đã trả 3 triệu đồng, cụ thể.

. «Tý góp ngày 12/7 - 2 triệu đồng» (12/7 là ngày âm lịch năm 2024).

. «Tý góp ngày 1/8 âm lịch - 3 triệu đồng» (1/8 là ngày âm lịch năm 2024).

. «Tý góp ngày 30/8 3 triệu đồng có ngày 31 dương» (30/8 là ngày dương lịch năm 2024).

Như vậy, Giấy xác nhận nêu trên giữa hai bên tuân thủ các điều kiện có hiệu lực của pháp luật nên là hợp đồng hợp pháp; hai bên không xác định thời hạn trả nợ, không lãi suất nên đây là Hợp đồng vay tiền không có kỳ hạn, không lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực pháp luật.

Xét, số tiền vay theo Giấy mượn tiền ngày 08/8/2024 bà A chuyển khoản cho bà H 2 lần tổng là 21.100.000đ nhưng hai bên chỉ viết mượn 20 triệu đồng, không có kỳ hạn, không lãi suất. Bà H cho rằng trong đó có 5 triệu đồng mua số đề của bà A nhưng bà H không có chứng cứ chứng minh. Và bà H thừa nhận có trả tiền lãi, có lúc trả bằng tiền mặt, có lúc chuyển khoản góp bưu cho bà A được 14.300.000đ nhưng cũng không có chứng minh chứng cứ. Tuy nhiên, theo Sao kê tài khoản của

bà A thì bà H chỉ chuyển khoản cho bà A được tổng số tiền 8.610.000đ với nội dung: Nguyễn Thị Phương H chuyển tiền, tí cá chuyển, H cá chuyển.

Xét, số tiền góp: bà A đưa tiền mặt cho bà H 3 lần số tiền 8 triệu đồng, đã trả 3 triệu đồng, còn nợ 5 triệu đồng.

HĐXX xét thấy: Quá trình mượn tiền hai bên không ghi lãi nhưng đều thừa nhận có trả tiền lãi, trong số tiền đã trả có trả tiền lãi và tại phiên toà, bà A chỉ yêu cầu bà H trả số tiền nợ gốc là 13.000.000đ. Do bà H chưa trả cho bà A là vi phạm Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A buộc bà H phải thanh toán cho bà A số tiền 13.000.000đ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện trả nợ lãi:

Bà A rút yêu cầu khởi kiện buộc bà H phải trả phí nợ lãi từ ngày 08/8/2024 đến 25/12/2025: 12.000.000đ. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Điều 357, 463 và Điều 470 Bộ luật Dân sự;

- ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* của bà Nguyễn Thị A đối với bà Nguyễn Thị Phương H.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Phương H có nghĩa vụ trả một lần cho bà Nguyễn Thị A số tiền nợ gốc 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng).

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ thi hành án, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A về số tiền yêu cầu bà Nguyễn Thị Phương H trả nợ lãi từ ngày 08/8/2024 đến 25/12/2025: 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 650.000đ *(Sáu trăm, năm mươi nghìn đồng)* bà Nguyễn Thị Phương H phải chịu.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 800.000đ *(Tám trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 0000399 ngày 14/01/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 15/7/2026.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TAND KHU VỰC 3

JBL150726.TL.QDBA 1950

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diệp